

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển giao tài sản công là cơ sở nhà, đất
của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường
cho UBND các xã, phường quản lý, xử lý**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình 5045/TTr-STC ngày 10/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao tài sản công là cơ sở nhà, đất của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho UBND các xã, phường quản lý, xử lý.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, các đơn vị có tài sản chuyển giao, các đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Tài chính, các đơn vị có tài sản chuyển giao, các đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định.

3. Các đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao tổ chức quản lý, lập kế hoạch khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật; chi trả các chi phí có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có); tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý tài sản theo quy định tại khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

3. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện tiếp nhận và quản lý, xử lý tài sản công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Hạt trưởng: Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân, Hạt Kiểm lâm Ngọc Lặc, Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy; Chi cục trưởng: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa; Giám đốc: Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các xã, phường: Hạc Thành, Sầm Sơn, Thường Xuân, Lam Sơn, Cẩm Thủy, Ngọc Sơn, Yên Thọ, Xuân Thái, Trung Hạ, Sơn Điện, Tam Lư, Na Mèo; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN GIAO CHO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị có tài sản chuyển giao	Đơn vị tiếp nhận tài sản
I	Tổ chót Đồng Mới, thôn 3, xã Thường Xuân						Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân	UBND xã Thường Xuân
1	Đất	m ²	20	1995	400.000.000	400.000.000		
2	Nhà làm việc	m ²	10	2007	9.078.000	0		
II	Tổ chót Sao Vàng, thôn 6, xã Lam Sơn						Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Lặc	UBND xã Lam Sơn
1	Đất	m ²	610	1990	2.745.000.000	2.745.000.000		
2	Nhà làm việc	m ²	98	1991	113.381.000	0		
3	Nhà vệ sinh	m ²	4,5	2001	12.221.000	0		
III	Trạm Kiểm soát lâm sản Cửa Hà, thôn Tân An, xã Cẩm Thủy						Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Thủy
1	Đất	m ²	37,9	1997				
2	Nhà làm việc	m ²	37,9	1993	85.378.000	0		
IV	Trạm kiểm dịch động vật Nghi Sơn, phố Nam Châu, phường Ngọc Sơn						Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa	UBND phường Ngọc Sơn
1	Đất	m ²	4.600	1987	20.700.000.000	20.700.000.000		

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị có tài sản chuyển giao	Đơn vị tiếp nhận tài sản
2	Nhà làm việc	m ²	288	2007	1.912.898.000	953.252.400		
V	Trạm bảo vệ rừng Xuân Phúc, xã Yên Thọ						Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	UBND xã Yên Thọ
1	Nhà làm việc	m ²	45,80	2006	72.196.145	0		
VI	Trạm bảo vệ rừng Xuân Thái, xã Xuân Thái						Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	UBND xã Xuân Thái
1	Nhà làm việc	m ²	53	2009	114.646.000	0		
VII	Trụ sở làm việc của Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, tiểu khu Km22, xã Trung Hạ						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Trung Hạ
1	Đất	m ²	10.000	2009	1.600.000.000	1.600.000.000		
VIII	Trụ sở làm việc cơ sở 2 - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản Na Nghịu, xã Sơn Điện						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Sơn Điện
1	Đất	m ²	27.059,30	2008	43.294.880.000	43.294.880.000		

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị có tài sản chuyển giao	Đơn vị tiếp nhận tài sản
IX	Trụ sở làm việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Mèo cũ - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản Na Nghiu, xã Sơn Điện						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Sơn Điện
1	Đất	m ²	92.646	2008	148.233.600.000	148.233.600.000		
2	Nhà kho + Bể chứa nước (Vườn ươm Na Mèo)	m ²	60	2003	360.231.000	0		
X	Trạm quản lý bảo vệ rừng bản Cum - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản Cum, xã Trung Hạ						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Trung Hạ
1	Đất	m ²	5.000	2009	450.000.000	450.000.000		
XI	Trạm quản lý bảo vệ rừng suối Mần - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản Làng, xã Tam Lư						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Tam Lư
1	Đất	m ²	5.000	2009	1.250.000.000	1.250.000.000		
XII	Trạm quản lý bảo vệ rừng Xum - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản Xum, xã Tam Lư						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Tam Lư
1	Đất	m ²	5.000	2009	1.250.000.000	1.250.000.000		

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị có tài sản chuyển giao	Đơn vị tiếp nhận tài sản
XIII	Trạm quản lý bảo vệ rừng 83 - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản 83, xã Na Mèo				1.750.000.000	1.750.000.000	Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Na Mèo
1	Đất	m ²	3.500	2008	1.750.000.000	1.750.000.000		
XIV	Trạm quản lý bảo vệ rừng suối Cài cũ - Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn, bản 83+87, xã Na Mèo						Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	UBND xã Na Mèo
1	Nhà làm việc	m ²	147,85	1995	47.421.577	0		
XV	Trạm đo nước dâng (do bão) Sầm Sơn - Chi cục Thủy lợi, phường Sầm Sơn						Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa	UBND phường Sầm Sơn
1	Đất	m ²	1.139	1996	13.668.000.000	13.668.000.000		
2	Nhà làm việc (4 tầng)	m ²	145	1998	1.137.775.000	159.288.500		
3	Nhà làm việc (5 tầng)	m ²	251,5	2013	11.898.694.000	5.711.373.120		
XVI	Trụ sở làm việc của Chi cục Thủy lợi, phường Hạc Thành						Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
1	Đất	m ²	3.308	1996	86.008.000.000	86.008.000.000		
2	Nhà làm việc	m ²	170	1996	183.022.000	0		
3	Nhà ở Văn phòng chi cục	m ²	70	1975	57.924.000	0		

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị có tài sản chuyển giao	Đơn vị tiếp nhận tài sản
4	Nhà ở Văn phòng chi cục	m ²	93	1989	100.124.000	0		
5	Nhà ở Văn phòng chi cục	m ²	196	1998	158.756.000	0		
6	Nhà ở Chi cục Thủy lợi cũ	m ²	223	1996	107.120.000	0		
XVII	Trụ sở làm việc của Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa, số 06 phường Hạc Thành						Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
1	Đất	m ²	1.804,60	1996	46.919.600.000	46.919.600.000		
2	Nhà công vụ	m ²	56	1974	83.620.000	0		
3	Nhà tập thể	m ²	224	1987	198.597.000	0		
4	Nhà cấp IV	m ²	40,5		0	0		
5	Nhà cấp IV	m ²	42		0	0		
6	Nhà cấp IV	m ²	41		0	0		
7	Nhà cấp IV	m ²	42,5		0	0		
8	Nhà cấp IV	m ²	40,5		0	0		
9	Nhà cấp IV	m ²	40		0	0		
10	Nhà cấp IV	m ²	39,5		0	0		
11	Nhà cấp IV	m ²	41,5		0	0		
12	Nhà cấp IV	m ²	39,5		0	0		